TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 111/2020/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Mỹ Hào, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 2 Điều 149; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 73, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* ***Người yêu cầu:*** Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Cát D, xã T, huyện P, tỉnh H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan****:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

2. Cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/12/2017.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Kim N: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Đều đăng ký HKTT: Thôn Cát D, xã T, huyện P, tỉnh H.

Đều nơi ở: Tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh H năm 2017 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Đ và chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M,

tỉnh H theo điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H đều xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào đầu năm 2019 và liên tục cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thực tế vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay, không quan hệ vợ chồng. Nay anh chị đều xác định cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nên không thể sống chung, vợ chồng đều nhất trí ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/12/2017. Anh chị thỏa thuận giao cháu Nam cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Anh Đ và chị H đề nghị công nhận thỏa thuận về việc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng số tiền là 1.000.000đ/ tháng *(Một triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến khi cháu N thành niên. Xét thấy, thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án sẽ công nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Đ và chị H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ và chị H thỏa thuận là anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/12/2017. Anh chị thỏa thuận giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị H về việc anh Đông cấp dưỡng nuôi cháu N hằng tháng số tiền là 1.000.000đ/ tháng *(Một triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến khi cháu N thành niên

Anh Đ có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Anh Đ và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Đ và chị H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đ và chị H thỏa thuận là anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004279 ngày 17/08/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh H. Anh Đ đã nộp xong lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tống Phan, huyện Phù Cừ;
- Lưu hồ sơ.

Trương Thế Dương